

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP: ALTHOUGH vs. IN SPITE OF / DESPITE

Quy tắc chuyển đổi câu chỉ sự nhượng bộ từ Mệnh đề sang Cụm từ & Bảng so sánh chi tiết

1. Cấu trúc cốt lõi & Quy tắc chuyển đổi

Cấu trúc này dùng để kết nối hai sự việc có tính chất đối lập hoặc tương phản nhau (Mặc dù... nhưng...). Đây là dạng bài tập biến đổi câu kinh điển trong các kỳ thi.

Dạng Mệnh đề (Clause): S + V + ALTHOUGH / EVEN THOUGH / THOUGH + [S + V]

Dạng Cụm từ (Phrase): S + V + IN SPITE OF / DESPITE + [Noun Phrase / V-ing / the fact that + S + V]

Các cách biến đổi từ Mệnh đề sang Cụm từ:

- Chuyển tính từ lên trước danh từ:** Đưa Adj đặt trước N (ví dụ: *although the weather was cold -> in spite of the cold weather*).
- Dùng dạng V-ing:** Nếu hai mệnh đề cùng chủ ngữ, đổi động từ thành dạng V-ing (ví dụ: *although he was old -> in spite of being old*).
- Dùng cụm "the fact that":** Giữ nguyên hoàn toàn mệnh đề phía sau (ví dụ: *in spite of the fact that the weather was cold*).

* Triết lý dịch: "Dịch là Diệt (IN ENGLISH = TO TRANSLATE IS THE SAME TO KILL)" – thấu hiểu ngữ cảnh để dịch thoát ý, tự nhiên.

2. Hệ thống ví dụ minh họa phong phú (Từ cơ bản đến nâng cao)

Dưới đây là loạt ví dụ chi tiết chuyển đổi giữa hai cấu trúc **Although** và **In spite of / Despite**:

STT	Dạng Mệnh đề (Although + S + V)	Dạng Cụm từ (In spite of + Noun Phrase / V-ing)
1	We went on a picnic although the weather was cold . (Chúng tôi đi dã ngoại dù trời lạnh.)	We went on a picnic in spite of the cold weather.
2	He passed the exam although he was lazy . (Cậu ấy đỗ kỳ thi dù lười biếng.)	He passed the exam in spite of his laziness (hoặc: despite being lazy).
3	She went to work although she was ill . (Cô ấy đi làm dù bị ốm.)	She went to work in spite of her illness (hoặc: despite being ill).
4	They won the match although they played badly . (Họ thắng trận dù chơi tệ.)	They won the match in spite of their bad performance.
5	He bought the car although it was expensive . (Anh ấy mua xe dù nó đắt.)	He bought the car in spite of its high price.
6	She smiled although she felt sad . (Cô ấy mỉm cười dù buồn.)	She smiled in spite of her sadness (hoặc: despite feeling sad).
7	The plane took off although there was thick fog . (Máy bay cất cánh dù sương mù dày.)	The plane took off in spite of the thick fog.
8	He finished the task although he was tired . (Anh ấy hoàn thành việc dù mệt mỏi.)	He finished the task in spite of his tiredness (hoặc: despite being tired).
9	They stayed outside although it rained heavily . (Họ ở ngoài dù trời mưa to.)	They stayed outside in spite of the heavy rain.
10	She understood the lesson although it was difficult . (Cô ấy hiểu bài dù nó khó.)	She understood the lesson in spite of its difficulty.

3. Bảng so sánh nhanh: Although vs. In spite of / Despite

Đặc điểm	ALTHOUGH / EVEN THOUGH	IN SPITE OF / DESPITE
Loại từ	Liên từ (Conjunction)	Giới từ (Preposition)
Thành phần theo sau	Một Mệnh đề hoàn chỉnh (S + V)	Một Cụm danh từ, V-ing hoặc *the fact that + S + V*
Lưu ý quan trọng	Không dùng chữ "but" ở vế câu phía sau.	Không dùng từ "of" sau từ *Despite* (Despite = In spite of).

4. Ứng dụng ôn thi tuyển sinh

- **Bài tập Viết lại câu & Trắc nghiệm:** Nắm chắc quy tắc chuyển đổi qua lại giữa mệnh đề nhượng bộ và cụm từ nhượng bộ giúp học sinh ghi điểm tuyệt đối trong các kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và tốt nghiệp THPT quốc gia.

Chương trình tiếng Anh tương tác **"From ZERO to MASTER"** chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera...

Lưu ý: Không hỗ trợ trên trình duyệt cũ Internet Explorer.

Composed by **Mr. Lê Đại Phong** – www.tienganhhaiphong.vn [CLICK HERE](#)

Phone & Zalo: **0971386608** • Email: **typhoon620@gmail.com**

Chuyên luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp THPT tại Hải Phòng.